

Số: 02 /2004/QĐ-UB

Tuyên Quang, ngày 06 tháng 01 năm 2004.

**QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**  
**Về việc ban hành Quy định tạm thời suất đầu tư trồng, chăm sóc rừng**  
**phòng hộ bằng cây keo lai giâm hom, mật độ trồng 4.444 cây/ha**  
**trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 532/NKT ngày 15/7/1988 của Bộ Lâm nghiệp về việc ban hành tạm thời định mức kinh tế kỹ thuật trồng rừng;

Căn cứ Quyết định số 278/QĐ-UB ngày 11/5/1995 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định tạm thời các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật áp dụng cho trồng và chăm sóc rừng trên địa bàn toàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 08/2003/QĐ-UB ngày 17/01/2003 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc giao chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2003;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại tờ trình số 1740/TT-LN ngày 27/12/2003 về việc xin phê duyệt suất đầu tư trồng rừng bằng cây keo lai giâm hom cho kế hoạch trồng rừng phòng hộ, trồng cây xanh ven lộ năm 2003,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành Quy định tạm thời về suất đầu tư trồng, chăm sóc rừng phòng hộ bằng cây keo lai giâm hom, mật độ trồng 4.444 cây/ha trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang cụ thể như sau:

1. Trồng, chăm sóc rừng trong điều kiện đất nhóm 2, thực bì nhóm 2, cự ly đi làm từ 2 đến 3 km, độ dốc trên  $30^{\circ}$  (công thức kỹ thuật  $F_2B_2L_3I>30^{\circ}$ ):

- Suất đầu tư trồng mới : 7.729.933 đồng/ha;
- Chăm sóc năm thứ nhất: 1.596.329 đồng/ha;
- Chăm sóc năm thứ hai : 878.288 đồng/ha;

**Tổng suất đầu tư: 10.204.551 đồng/ha.**

2. Trồng, chăm sóc rừng trong điều kiện đất nhóm 2, thực bì nhóm 2, cự ly đi làm từ 2 đến 3 km, độ dốc dưới  $30^0$  (công thức kỹ thuật  $F_2, B_2, L_3, I < 30^0$ ):

- Suất đầu tư trồng mới : 7.159.940 đồng/ha;
- Chăm sóc năm thứ nhất: 1.398.962 đồng/ha;
- Chăm sóc năm thứ hai : 774.982 đồng/ha;

**Tổng suất đầu tư: 9.333.884 đồng/ha.**

**Điều 2.** Các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật được quy định trong suất đầu tư trồng, chăm sóc rừng nêu tại Điều 1 Quyết định này được áp dụng để lập thiết kế, dự toán, thanh toán, quyết toán đối với các công trình trồng, chăm sóc rừng trồng phòng hộ, trồng cây ven lộ bằng cây keo lai giâm hom, mật độ trồng 4.444 cây/ha trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang theo kế hoạch Nhà nước giao hàng năm.

Giao trách nhiệm cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện Quyết định này.

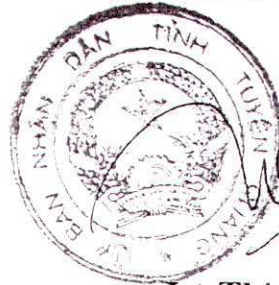
**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Các ông (bà): Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, Giám đốc các Lâm trường, Dự án trồng rừng trên địa bàn tỉnh và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**T/M ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

*Nơi nhận:*

- T.T Tỉnh uỷ | Báo
- T.T HĐND tỉnh | cáo
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh
- Như Điều 3: Thực hiện
- CV: NLN-TC-TH-TP
- Lưu: VT



**Lê Thị Quang**